TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2022
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Tuấn Anh và ông Nguyễn Tiến Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Diệu Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 60/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn D1, xã P1, huyện V1 , tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* **Anh Nguyễn B1**, sinh năm 1993; Địa chỉ: 2411 Mountaingate Way, San Jose, CA 95133, USA; địa chỉ hiện tại: 1735 Seville Way San Jose, CA 95133, USA. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác thì chị Nguyễn Thị L1 trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2014, tôi và anh Nguyễn B1 quen biết và tìm hiểu nhau thông qua mạng xã hội một thời gian thì chúng tôi quyết định kết hôn; vào ngày 14/10/2015, được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sống chung khoảng 03 tuần thì anh B1 trở về Hoa Kỳ. Do hoàn cảnh mỗi người sống một nơi, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh B1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn B1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án; Công văn yêu cầu anh B1 trả lời một số vấn đề cần thiết liên quan đến việc chị L1 xin ly hôn với anh. Ngày 01/3/2022, Tòa án nhận được thư trả lời của anh B1 với nội dung: Anh B1 đồng ý ly hôn với chị L1 vì giữa anh và chị L1 không còn tình cảm; về con chung; về tài sản chung và nợ chung anh B1 xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì lý do dịch bệnh Covid-19 anh không thể về Việt Nam để tham gia tố tụng được nên anh B1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 28; 35; 39; 68; các Điều từ 93 đến 97; Điều 195; 196 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đảm bảo, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123; Điều 127; của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị L1 được ly hôn anh Nguyễn B1.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị L1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị L1 có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn B1 (Quốc tịch Hoa Kỳ) nên quan hệ pháp luật được xác định là "Xin ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L1 và anh Nguyễn B1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện được ý chí của chị Loan, anh B1 về việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L1 và anh Nguyễn B1 theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị L1 và anh Nguyễn B1 kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh B1 trở về Hoa Kỳ từ năm 2015 đến nay. Chị L1 và anh B1 đều cho rằng do hoàn cảnh mỗi người sống một nơi, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho hai người ly hôn để ổn định cuộc sống. Xét trong điều kiện hiện nay, chị L1 và anh B1 mỗi người sống một nơi, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên việc vợ chồng đoàn tụ để sống hạnh phúc là rất khó, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L1 được ly hôn với anh Nguyễn B1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L1 và anh Nguyễn B1 đều xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L1 phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123; Điều 127; của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L1 được ly hôn anh Nguyễn B1.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L1 và anh Nguyễn B1 đều xác định không có nên không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L1 phải chịu 300.000 đồng (được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số: 0000040 ngày 30/12/2021 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày và anh Nguyễn B1 ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT-Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Hồng Vân

=